



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Thông tư số 32/2017/TT-BCT

## CARTER SH 460

SDS #: 30562

### I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

**Số CAS** : Không áp dụng.  
**Số UN** : Không quản lý.  
**Số đăng ký EC** : Hỗn hợp.  
**Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)** : CARTER SH 460

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

#### Mục đích sử dụng

Dầu bánh răng công nghiệp

**Thông tin chi tiết về nhà cung cấp** : CÔNG TY TNHH TOTALENERGIES MARKETING VIỆT NAM  
Landlot 3, Go Dau Industrial Zone  
Long Thanh Dist., Dong Nai Prov., Vietnam  
Tel: +84 251 3543056  
Fax: +84 251 3543694  
ms.ap-sds@totalenergies.com  
  
TotalEnergies Marketing Asia-Pacific Middle East Pte. Ltd.  
182 Cecil Street  
#27-01 Frasers Tower  
Singapore 069547  
Tel: +65 6879 2200  
ms.ap-sds@totalenergies.com

**Số điện thoại khẩn cấp (với : giờ hoạt động)**

Vietnam: +84 28 4458 2388  
Asia-Pacific: +65 3158 1074

### Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

**Mức xếp loại nguy hiểm** : Không phân loại.

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

**Từ cảnh báo** : Không có từ cảnh báo.  
**Cảnh báo nguy cơ** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các công bố về phòng ngừa

**Ngăn chặn** : Không áp dụng.  
**Phản ứng** : Không áp dụng.  
**Lưu trữ** : Không áp dụng.  
**Xử lý** : Không áp dụng.

**Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại** : Không biết chất nào.



Thông tin bổ sung : Sản phẩm được làm từ dầu gốc tổng hợp

### III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp  
Các cách khác để xác định lai lịch : Không có sẵn.

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	% (w/w)
Amines, C10-14-tert-alkyl	-	≤0.3
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	112-90-3	≤0.1

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Tiếp xúc mắt** : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
- Hít phải** : Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và để ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.
- Tiếp xúc ngoài da** : Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.
- Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

#### Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

##### Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Tiếp xúc ngoài da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Nuốt phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

##### Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

#### Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.



Xem thông tin độc tính (phần 11)

## V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng hóa chất khô, CO<sub>2</sub>, bụi nước hay bọt.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Dùng dùng tia nước.

**Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất** : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

- Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : carbon monoxit  
carbon dioxit  
Silicon Dioxide  
ôxít nitơ  
ôxít photpho  
ôxít lưu huỳnh  
Hydrogen sulfide  
Mecaptan

**Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

**Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

## VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

### Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".

**Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

### Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.



- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị vây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

## VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ** : Lưu trữ theo các quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dụng cụ đứng, cho khỏi rò rỉ. Đùng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các thông số kiểm soát

#### Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.
- Cảnh báo về giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OEL)** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

### Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính an toàn có tấm chắn bên hông.

#### Bảo vệ da



- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết.  
Găng tay chịu được hydrocacbon  
Cao su flo hóa  
cao su nitril  
Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm cụ thể như nguy cơ bị cắt, mài mòn và thời gian tiếp xúc
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Các điều kiện đo của tất cả các đặc tính là ở nhiệt độ tiêu chuẩn (20 ° C / 68 ° F) và áp suất (1013 hPa) trừ khi có chỉ định khác

### Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Chất lỏng. [Trong suốt]
- Màu sắc** : Trong suốt.
- Mùi** : Đặc tính.
- Ngưỡng về mùi** : Không có sẵn.
- pH** : Không áp dụng.
- Điểm chảy/điểm đông** : Không thể đo đạc về mặt kỹ thuật
- Điểm chảy** : -42°C (-43.6°F)
- Điểm sôi** : >316°C (>600.8°F) [EN ISO 3405]
- Điểm bùng cháy** : Tách để mở: 231°C (447.8°F) [Cốc hở (COC)]
- Tỷ lệ hóa hơi** : Không có sẵn.
- Khả năng cháy (chất rắn, khí)** : Không áp dụng.
- Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên** : Thấp hơn: 0.9%  
Trên: 7%
- Áp suất hóa hơi** : <0.013 kPa (<0.1 mm Hg) [nhiệt độ phòng] [ASTM D 5191]  
Không áp dụng. [50°C]
- Tỷ trọng hơi** : >2 [Không khí = 1]
- Mật độ tương đối** : 0.854 [ISO 12185]
- Mật độ** : 0.854 g/cm<sup>3</sup> [15°C] [ISO 12185]
- (Các) độ tan** :

Media	Kết quả
nước	Không hòa tan

- Có thể trộn lẫn với nước** : Không.
- Độ hòa tan trong nước** : 0.885 g/l
- Hệ số phân chia nước/Octanol** : Không áp dụng.



<b>Nhiệt độ tự cháy</b>	: >231°C (>447.8°F) [ASTM E 659]
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	: Không áp dụng.
<b>Tính dẻo</b>	: Động lực học (40°C (104°F)): 446 mm <sup>2</sup> /s (446 đơn vị cSt) [ISO 3104]
<b>Thời gian chảy (ISO 2431)</b>	: Không có sẵn.
<b>Đặc tính hạt</b>	
<b>Kích thước hạt trung bình</b>	: Không áp dụng.

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

<b>Khả năng phản ứng</b>	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
<b>Tính ổn định</b>	: Ổn định nếu lưu trữ và xử lý theo đề nghị (xem Phần 7).
<b>Khả năng gây các phản ứng nguy hại</b>	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
<b>Tình trạng cần tránh</b>	: Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc.
<b>Các vật liệu không tương thích</b>	: Các chất oxy hóa mạnh
<b>Sản phẩm phân rã có môi nguy</b>	: carbon monoxit carbon dioxit Silicon Dioxide ôxit nitơ ôxit photpho ôxit lưu huỳnh Hydrogen sulfide Mecaptan

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Thông tin về các tác dụng độc

#### Độc tính cấp tính

Sản phẩm/chất	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm	Thử nghiệm
Amines, C10-14-tert-alkyl	LC50 Hít phải Hơi LC50 Hít phải Hơi	Chuột Chuột	1.19 mg/l 157 để 231 ppm	4 giờ 4 giờ	OECD 403 -
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	LD50 Ngoài da	Thỏ	251 mg/kg	-	OECD 402
	LD50 Đường miệng	Chuột	612 mg/kg	-	OECD 401
	LC50 Hít phải Bụi và sương	Chuột - Nam	>0.099 mg/l	1 giờ	OECD
	LD50 Ngoài da	Thỏ - Nam, Nữ	>2000 mg/kg	-	OECD 402
	LD50 Đường miệng	Chuột - Nam, Nữ	1689 mg/kg	-	OECD 401

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại



# CARTER SH 460

TotalEnergies

SDS # : 30562

## Kích ứng/Ăn mòn

Sản phẩm/chất	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Thử nghiệm
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	-	OECD 405
	Da - Mô da hoại tử quan sát được	Thỏ	-	-	OECD 404

**Da** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

**Mắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

**Hô hấp** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

## Nhạy cảm

Sản phẩm/chất	Cách phơi nhiễm	Loài	Kết quả
Amines, C10-14-tert-alkyl C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	da da	Chuột thí nghiệm Chuột thí nghiệm	Nhạy cảm Không gây mẫn cảm

**Da** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại Nhà cung cấp của một hoặc nhiều thành phần chứa trong công thức này đã chỉ ra rằng họ có dữ liệu của các thành phần và /hoặc hỗn hợp tương tự, trong đó khẳng định rằng ở nồng độ sử dụng, thì không yêu cầu phân loại là chất nguy hại Chứa Vật nhạy cảm. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng.

**Hô hấp** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

## Tính đột biến

Sản phẩm/chất	Thử nghiệm	Thí nghiệm	Kết quả
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	OECD 471	Thí nghiệm: Trong ống thử nghiệm Đối tượng thử nghiệm: Vi trùng	Âm tính

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

## Tính gây ung thư

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

## Độc tính sinh sản

Sản phẩm/chất	Độ độc nơi người mẹ	Khả năng sinh sản	Chất độc phát triển	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	Âm tính	Âm tính	Âm tính	Chuột - Nam, Nữ	Đường miệng	-

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

## Độc tính gây quái thai

Sản phẩm/chất	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	Âm tính - Đường miệng	Thỏ - Nam, Nữ	>30 mg/kg NOAEL	-

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

## Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)



Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

**Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)**

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	Loại 2	đường miệng	đường tiêu hóa, hệ miễn dịch, gan

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

**Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa**

Tên	Kết quả
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1

**Kết luận/Tóm tắt** : Dựa trên dữ liệu có sẵn, không đạt tiêu chuẩn phân loại

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Hít phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Tiếp xúc ngoài da** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.  
**Nuốt phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính**

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Tiếp xúc ngoài da** : Không có thông tin cụ thể gì.  
**Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài**

**Phơi nhiễm ngắn hạn**

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.  
**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Phơi nhiễm lâu dài**

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.  
**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn**



Sản phẩm/chất	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	Khẩn cấp trung bình LOAEL Ngoài da	Chuột - Nam, Nữ	12.5 mg/kg	-
	Khẩn cấp trung bình NOAEL Đường miệng	Chuột - Nam, Nữ	3.25 mg/kg	-

- Tổng quát** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Tính gây ung thư** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Độc tính sinh sản** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Các số liệu đo lường độ độc****Các giá trị ước tính độ độc cấp tính**

Sản phẩm/chất	Đường miệng (mg/kg)	Ngoài da (mg/kg)	Hít vào (các chất khí) (ppm)	Hít vào (các chất hơi) (mg/l)	Hít vào (bụi và các thể lơ lửng) (mg/l)
Amines, C10-14-tert-alkyl	612	251	N/A	1.19	N/A
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	1689	N/A	N/A	N/A	N/A

**Thông tin cần thiết khác**

: Không có sẵn.

**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

Nhà cung cấp của một trong những thành phần chứa trong công thức này đã chỉ ra rằng họ có dữ liệu, trong đó khẳng định rằng ở nồng độ sử dụng, thì không yêu cầu phân loại là nguy hại cho môi trường thủy sinh

**Độc Tính**

Sản phẩm/chất	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm	Thử nghiệm
Amines, C10-14-tert-alkyl  C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	Cấp tính EC50 0.44 mg/l Nước ngọt	Tảo - Selenastrum capricornutum	72 giờ	OECD 201
	Cấp tính EC50 0.24 mg/l	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ	-
	Cấp tính EC50 63.5 mg/l	Vi sinh vật	30 phút	-
	Cấp tính LC50 1.3 mg/l	Cá	96 giờ	-
	Cấp tính NOEC 0.05 mg/l Nước ngọt	Tảo - Selenastrum capricornutum	72 giờ	OECD 201
	mãn tính NOEC 0.078 mg/l	Cá - Oncorhynchus mykiss	96 ngày	OECD 210
	Cấp tính EL50 0.04 mg/l	Tảo - Selenastrum capricornutum	72 giờ	-
	Cấp tính EL50 0.011 mg/l	Daphnia - Daphnia magna	48 giờ	-
	Cấp tính EL50 222.5 mg/l	Vi sinh vật	3 giờ	-
	Cấp tính LL50 0.06 mg/l mãn tính NOEL 0.013 mg/l	Cá - Pimephales promelas Daphnia - Daphnia magna	96 giờ 21 ngày	- -

**Độ bền và khả năng phân hủy**



Sản phẩm/chất	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiềm chùng
C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	OECD 301B Ready Biodegradability - CO <sub>2</sub> Evolution Test	66 % - Dễ dàng - 20 ngày	-	-

Sản phẩm/chất	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rửa
Amines, C10-14-tert-alkyl C16-18-(even numbered, saturated and unsaturated)-alkylamines	- -	- -	Không dễ Dễ dàng

**Khả năng tồn lưu**

Sản phẩm/chất	LogK <sub>ow</sub>	BCF	Tiềm năng
Amines, C10-14-tert-alkyl	2.9	-	thấp

**Khả năng phân tán qua đất**

**Hệ số phân cách đất/nước (K<sub>oc</sub>)** : Không có sẵn.

**Khả năng phân tán qua đất** : Với các đặc tính vật lý và hóa học đã biết, sản phẩm nhìn chung linh động chậm trong đất. Sản phẩm này không tan và nổi trên mặt nước. Ít mất mát do bay hơi.

**Hậu quả xấu khác** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

**Các phương pháp thải bỏ** : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cận sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

**XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

	UN	IMDG	ICAO/IATA
<b>Số UN/ID</b>	Không quản lý.	Not regulated.	Not regulated.
<b>Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển</b>	-	-	-



(các) nhóm nguy hại vận chuyển	-	-	-
Quy cách đóng gói	-	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	No.	No.

**Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng :** **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

**Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO :** Không có sẵn.

## XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

**Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) :** 4

### Quy định quốc tế

#### Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

#### Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

#### Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

#### Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

#### Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

### Danh mục hàng tồn kho

#### **Bản kê của Úc (AIC)**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Bản kê của Canada**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Bản kê của Trung Quốc (IECSC)**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Bản kê của Châu Âu**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Bản kê của Nhật**

: **Bản kê của Nhật (CSCL):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

**Bản kê của Nhật (ISHL):** Không xác định.

#### **Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIoC)**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Bản Kê của Phi-lip-pin (PICCS)**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Bản kê của Hàn Quốc (KECI) (Bản Kê Hóa Chất Hiện Hữu của Hàn Quốc)**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Taiwan Chemical Substances Inventory (TCSI)**

: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

#### **Danh mục hóa chất Thái Lan**

: Không xác định.



- Turkey inventory : Không xác định.  
 Bản kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc) : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.  
 Danh mục hóa chất Việt Nam : Không xác định.

Thông tin đề cập trong phần này chỉ liên quan đến việc tuân thủ của hóa chất đó đến danh mục hóa chất quốc gia. Thông tin dùng để xác nhận tình trạng hiện hữu của sản phẩm có thể dựa trên những dữ liệu khác như thành phần hóa học trong phân 3. Những qui định khác có thể áp dụng trong việc cho phép nhập khẩu hoặc tiếp thị.

## XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

### Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

#### NFPA



#### HMIS

Sức khỏe	/	1
Khả năng cháy		1
Nguy hiểm thể chất		0

### Lịch sử

- Ngày hiệu chỉnh : 2023/04/10  
 Ngày hiệu chỉnh : Trước đây chưa thẩm định  
 Phiên bản : 1

### Bảng từ viết tắt

- : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính  
 BCF = Hệ số nồng độ sinh học  
 GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu  
 HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)  
 IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế  
 IBC = Côngtenơ khổ trung  
 IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế  
 LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước  
 MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))  
 N/A = Không có sẵn  
 NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)  
 SGG = Nhóm Phân tách  
 UN = Liên hợp quốc

### Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
Không phân loại.	

- Tham khảo : Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

### Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.